

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 483/2025/HNGĐ-ST.  
Ngày: 10-3-2025.  
V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Võ Thị Mai Trâm

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Văn Tâm
2. Ông Trần Đăng Vạn

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Đậu Thị Hải Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Võ Hồng D-Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 2075/2024/TLST-HNGĐ ngày 03/10/2024 về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 826/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1989 (có đơn đề nghị vắng mặt).

Địa chỉ: Số A N, khu phố A (khu phố P cũ), phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

*Bị đơn:* Ông Nguyễn Duy H, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số A N, khu phố A (khu phố P cũ), phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ghi ngày 10 tháng 6 năm 2024 và lời khai trong quá trình giải quyết tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị P trình bày:

Bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Duy H tự nguyện chung sống từ năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Bắc Ninh vào ngày 08 tháng 8 năm 2007. Vợ chồng chung sống đến năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do không có tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, ông H có hành vi bạo lực đối với bà P, cuộc sống chung không có hạnh phúc, hai bên vẫn sống chung nhà nhưng phần ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Nay nhận thấy mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn được, tình cảm vợ chồng không còn nên bà P yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Duy H.

Về con chung: có 03 con chung Nguyễn Duy H1, sinh ngày: 14/7/2008, Nguyễn Duy L, sinh ngày: 21/12/2010 và Nguyễn Duy H2, sinh ngày 15/10/2019. Bà P yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Nguyễn Duy H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án giải quyết vụ kiện nhưng ông H đều vắng mặt không có lý do cũng như không gửi cho Tòa án văn bản thể hiện ý kiến của ông H đối với yêu cầu của nguyên đơn. Do ông H vắng mặt nên vụ án không thể tiến hành hòa giải được.

*Tại phiên tòa:* nguyên đơn bà Nguyễn Thị P có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt

Bị đơn ông Nguyễn Duy H vắng mặt

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: thụ lý đúng quy định theo thẩm quyền, Quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng nội dung, thành phần xét xử, đúng thời gian, địa điểm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P; về án phí bà Nguyễn Thị P phải chịu theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Duy H. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do bị đơn cư trú tại thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị P có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Duy H đã được triệu tập hợp lệ đến dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Duy H tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Bắc Ninh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 48-KH, quyển số 01-2007 ngày 08 tháng 8 năm 2007. Như vậy, hôn nhân giữa đôi bên là hợp pháp.

Theo lời khai của bà P, vợ chồng chung sống đến năm 2020 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do không có tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, ông H có hành vi bạo lực đối với bà P, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Nhận thấy mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn được, bà P xác định tình cảm không còn nên yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Duy H.

Hội đồng xét xử xét: tình cảm vợ chồng phải xuất phát từ cả hai phía cùng thương yêu, quý trọng và cùng có trách nhiệm chăm sóc, giúp đỡ nhau. Từ khi bà P nộp đơn khởi kiện ly hôn, ông H không tạo điều kiện hàn gắn tình cảm. Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, triệu tập ông H đến Tòa án để giải quyết nhưng ông H đều vắng mặt và không gửi ý kiến, giấy tờ tài liệu liên quan đến yêu cầu ly hôn của bà P. Cho thấy ông H không có biện pháp tích cực để đoàn tụ, hàn gắn, không còn quan tâm đến cuộc sống hôn nhân giữa ông H và bà P. Xét, nếu tiếp tục kéo dài thì mục đích của hôn nhân cũng không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, yêu cầu ly hôn của bà P là có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Về con chung: có 03 con chung Nguyễn Duy H1, sinh ngày: 14/7/2008, Nguyễn Duy L, sinh ngày: 21/12/2010 và Nguyễn Duy H2, sinh ngày 15/10/2019. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, ông H vắng mặt và không có ý kiến, yêu cầu về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con, trẻ H1 và trẻ L có nguyện vọng được ở với mẹ. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của người con được

sống ổn định, được phát triển toàn diện cả về thể chất lẫn tinh thần, việc bà P yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung là phù hợp với nguyện vọng của con và phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Bà P không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3.4] Về nợ chung: bà P khai không có

Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị P phải chịu án phí 300.000 đồng nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 56, 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Duy H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 48-KH, quyền số 01-2007 ngày 08 tháng 8 năm 2007 do Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Bắc Ninh cấp cho bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Duy H không còn giá trị pháp lý.

Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Duy H1, sinh ngày: 14/7/2008, Nguyễn Duy L, sinh ngày: 21/12/2010 và Nguyễn Duy H2, sinh ngày 15/10/2019 cho bà Nguyễn Thị P trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận việc bà Nguyễn Thị P tự nguyện không yêu cầu ông Nguyễn Duy H cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Nếu lợi dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: bà P khai không có.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị P phải chịu án phí 300.000 đồng, được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0042403 ngày 19/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị P đã nộp đủ án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**HỘI THẨM NHÂN DÂN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND Tp. HCM;

- VKSND Tp.Thủ Đức

- Chi cục THADS Tp.Thủ Đức;

- UBND xã An Bình, huyện Thuận Thành,  
tỉnh Bắc Ninh;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**Võ Thị Mai Trâm**